

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK MIL,  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HS-ST

Ngày 25/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Trần Đình Minh

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đợi và bà Phạm Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Kim Tuấn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa:** Bà Niê Đoàn Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS, ngày 04/9/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 10/9/2020 đối với bị cáo:

**Trần Văn T;** sinh năm 1992; Tên gọi khác: T; nơi sinh: tỉnh Đắc Nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1941 và con bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1946; tiền án: không; tiền sự: Ngày 26/3/2020 bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bị Công an xã Đức Minh ra quyết định xử phạt hành chính 1.500.000 đồng tại quyết định số 007357/QĐ-XPVPHC ngày 07/5/2020; bị cáo chưa nộp phạt; Biện pháp ngăn chặn được áp dụng: Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/6/2020, sau đó chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Đắc Mil. (Bị cáo có mặt)

**- Người bị hại:** Chị Cao Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Vũ Thị N, sinh năm 1964; Địa chỉ: thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ dân phố 06, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Cúc H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

4. Anh Trần Văn H, sinh năm 2004; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Bon J, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Phạm Nam Đ, sinh năm 1996; Địa chỉ: thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo Trần Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông truy tố về hành vi phạm tội như sau: Do cần tiền tiêu xài nên vào khoảng 00<sup>h</sup> 30<sup>p</sup> ngày 10/6/2020, Trần Văn T đi tìm nhà người dân có sơ hở thì vào tìm tài sản để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà chị Cao Thị H, sinh năm 1971 tại Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thấy cổng và cửa chính không khóa nên Trần Văn T đi vào bên trong phòng khách phát hiện 01 điện thoại di động Iphone 6S màu xám đang cắm sạc, Trần Văn T rút dây sạc rồi bỏ điện thoại vào túi quần. Sau đó đi xuống phòng bếp thì thấy bên trong tủ kính tại phòng bếp có 01 ví da màu đen, Trần Văn T mở ví da thấy có một số giấy tờ tùy thân, 03 tờ tiền Dollars Mỹ lần lượt mệnh giá 5, 10, 20 USD, 01 tờ tiền mệnh giá 100 Dollars Canada và 3.500.000 đồng tiền Việt Nam nên Thi lấy trộm bỏ vào túi quần, cùng lúc đó phát hiện có chìa khóa xe mô tô treo trên tường Trần Văn T lấy chìa khóa đi xuống khu vực nhà kho cắm vào ổ khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS 48F1- 084.33 rồi dắt ra bên ngoài đường. Sau khi ra ngoài khu vực trước cổng nhà chị Huyền, Trần Văn T mở ví da lấy 3.500.000 đồng, 03 tờ tiền Dollars Mỹ gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 5 Dollars, 01 tờ tiền mệnh giá 10 Dollars, 01 tờ tiền mệnh giá 20 USD, 01 tờ tiền mệnh giá 100 Dollars Canada, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 48F1- 084.33 mang tên Cao Thị H, giấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 009686 BKS 48AB - 018.28 mang tên Đinh Quang Đ, còn lại một số giấy tờ tùy thân gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy giấy phép lái xe hạng A1, 01 bảo hiểm y tế và 02 bảo hiểm xe ô tô đều mang tên Đinh Quang Đ trong ví da Trần Văn T ném lại trước góc vườn bên cạnh nhà chị Cao Thị H (số giấy tờ này chị Cao Thị H đã tìm thấy ngoài bờ rào nhà chị Huyền). Sau đó điều khiển xe đi đến xã Nam Bình, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông thuê nhà nghỉ để nghỉ.

Khoảng 08<sup>h</sup>00<sup>p</sup> ngày 10/6/2020, Trần Văn T đi đến gửi xe mô tô BKS 48F1- 084.33 đã trộm cắp được tại nhà bà Vũ Thị N (sinh năm 1964) trú tại thôn 11, xã Nam Bình huyện Đắk Song rồi đón xe về nhà tại thôn Mỹ Hòa, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Đến ngày 12/6/2020, Trần Văn T lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 48F1 – 135.86 của anh trai là Trần Văn H (sinh năm 1980) trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đắk Mil điều khiển đi đến quán Internet thuộc xã Đắk Mol huyện Đắk Song gặp Sang (là bạn thường hay chơi game cùng Trần Văn T chưa xác minh được nhân thân lai lịch) đang chơi game tại đây và nhờ Sang chở lên nhà bà Vũ Thị Ngọc để lấy xe

BKS 48F1- 084.33 đi bán (nhưng T không nói cho Sang biết là xe do trộm cắp mà có). Sau khi lấy xe mô tô biển số 48F1- 084.33 Trần Văn T điều khiển xe đi đến bán cho ông Nguyễn Ngọc C (sinh năm 1974) trú tại tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ được 12.000.000 đồng rồi cùng đối tượng tên Sang đi chơi Internet và tiêu xài hết 3.500.000 đồng tiền trộm cắp và 5.500.000 đồng tiền bán xe. Đến khoảng 11<sup>h</sup> 00<sup>p</sup> ngày 13/8/2020, hành vi trộm cắp tài sản của Trần Văn T bị cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đăk Mil phát hiện và tiến hành bắt khẩn cấp để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại kết luận định giá tài sản số 28/HĐĐGTS ngày 19/6/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đăk Mil kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS 48F1 - 084.33 có giá trị thiệt hại là 15.333.300 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S loại 16GB, màu ghi bạc có giá trị thiệt hại là 1.533.300 đồng. Tổng giá trị là 16.866.600 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*).

Tại kết luận định giá tài sản số 36/HĐĐGTS ngày 15/7/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đăk Mil kết luận tỷ giá ngoại tệ vào ngày 10/6/2020 đối với tỷ giá Dollars Canada và Dollars Mỹ có giá trị thiệt hại là: 01 tờ tiền giấy loại tiền Canada, mệnh giá 100 Dollars là 1.720.800 đồng; 03 tờ tiền giấy (mỗi tờ mệnh giá 05 Dollars, 10 Dollars, 20 Dollars), loại tiền Mỹ, tổng mệnh giá 35 Dollars là 812.800 đồng. Tổng giá trị là 2.533.600 đồng (*Hai triệu năm trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm đồng*).

Tổng giá trị tài sản bị cáo Trần Văn T đã trộm cắp tài sản là 19.400.200 đồng (*Mười chín triệu bốn trăm nghìn hai trăm đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 38/CTr-VKS, ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông để xét xử bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil đã phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- **Về hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ từ ngày 13/6/2020.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đăk Mil đã thu giữ sau đó trả lại: 01 tờ tiền Canada mệnh giá 100 Dollars và 03 tờ tiền mệnh giá 05 Dollars, 10 Dollars, 20 Dollars Mỹ; 01 xe mô tô

hiệu Honda Vision màu xanh, BKS 48F1 – 084.33; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S loại 16GB, màu ghi bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 48F1- 084.33 mang tên Cao Thị H, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 009686 BKS 48AB - 018.28 mang tên Đinh Quang Đ cho chị Cao Thị H; Số tiền 6.500.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc C; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen BKS 48F1 - 135.86 ông Trần Văn H.

- ***Về trách nhiệm dân sự:*** Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc C số tiền 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### ***[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:***

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hai hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

#### ***[2] Về hành vi khách quan và hậu quả do hành vi khách quan của bị cáo gây ra, bị cáo khai nhận như sau:***

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đúng như diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với người liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 0<sup>h</sup>30<sup>p</sup> ngày 10/6/2020, tại Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của gia đình chị Cao Thị H, Trần Văn T đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu xanh, BKS 48F1- 084.33 có giá trị thiệt hại là 15.333.300 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng*); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S loại 16GB, màu ghi bạc có giá trị 1.533.300 đồng (*Một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng*); 01 tờ tiền loại tiền Canada mệnh giá 100 Dollars là 1.720.800 đồng (*Một triệu bảy trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng*); 03 tờ tiền gồm: 01 tờ mệnh giá 05 Dollars Mỹ, 01 tờ mệnh giá 10 Dollars Mỹ, 01 tờ mệnh giá 20 Dollars Mỹ, tổng mệnh giá 35 Dollars Mỹ có giá trị là 812.800 đồng (*Tám trăm mười hai nghìn tám trăm đồng*).

Tổng giá trị tài sản do Trần Văn T trộm cắp là 19.400.200 đồng (*Mười chín triệu bốn trăm nghìn hai trăm đồng*).

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở pháp lý để kết luận bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

**Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

**[3] Đánh giá tính chất vụ án:**

Xét tính chất vụ án do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác và làm mất trật tự an ninh tại địa phương. Bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, để có tiền tiêu xài phục vụ cho việc mua ma túy để sử dụng nên bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của gia đình chị Cao Thị H có tổng giá trị tài sản trộm cắp là 19.400.200 đồng.

Do đó, để đảm bảo việc giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra để đảm bảo được mục đích của hình phạt theo pháp luật, đồng thời đây còn là bài học cho những ai có ý định trộm cắp tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác.

**[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

- **Về nhân thân bị cáo:** Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 06/9/2016, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xử phạt 01 năm tù theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án số 05/2017/HSST ngày 13/01/2017. Ngày 01/6/2016, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng đồng phạm bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, tại bản án số 14/2017/HSST ngày 20/3/2017, tổng hợp chung hình phạt tại bản án số 05/2017/HSST ngày 13/01/2017 buộc Trần Văn T phải chấp hành chung hình phạt 01 năm 09 tháng tù. Ngày 07/3/2018, chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống, bị cáo đã thực hiện xong các nghĩa vụ được quyết định tại bản án số 05/2017/HSST ngày 13/01/2017 và bản án bản án số 14/2017/HSST ngày 20/3/2017.

Sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo không lấy đó là bài học để tu dưỡng và sửa chữa mình mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

- **Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** không

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Trong quá trình điều tra bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường số tiền 3.500.000 đồng cho bà Cao Thị H, bà Huyền có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] **Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền nhưng qua xác minh bị cáo là người không có tài sản, thu nhập, không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:**

- Trong quá trình điều tra bị cáo Trần Văn T đã bồi thường số tiền 3.500.000 đồng cho bà Cao Thị H là có căn cứ nên chấp nhận. Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét giải quyết.

- Ông Nguyễn Ngọc C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.500.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc C nên cần ghi nhận và buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc C số tiền 5.500.000 đồng.

[7] **Về xử lý vật chứng:** Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 tờ tiền Canada mệnh giá 100 Dollars và 03 tờ tiền mệnh giá 05 Dollars, 10 Dollars, 20 Dollars Mỹ; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu xanh, BKS 48F1 – 084.33; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S loại 16GB, màu ghi bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 48F1- 084.33 mang tên Cao Thị H, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 009686 BKS 48AB - 018.28 mang tên Đinh Quang Đ cho chị Cao Thị H; số tiền 6.500.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc C; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen BKS 48F1 - 135.86 Trần Văn H là chủ sở hữu hợp pháp nên cần chấp nhận.

[8] **Trong vụ án còn có một số vấn đề sau:**

- Đối với đối tượng tên Sang được Trần Văn T nhờ đi cùng để lấy tài sản trộm cắp đem đi bán nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, hiện nay cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với ông Nguyễn Ngọc C là người mua tài sản do Trần Văn T trộm cắp nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không đặt ra vấn đề xử lý.

- Đối với Trần Văn H không biết Trần Văn T sử dụng xe mô tô của mình đi lấy tài sản trộm cắp để đi bán nên không có căn cứ để xử lý theo quy định pháp luật.

- Đối với bà Vũ Thị N là người được Trần Văn T gửi tài sản nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý theo quy định pháp luật.

**[9] Về án phí:** Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (Thi Tông) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Trần Văn T (Thi Tông) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/6/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Mil đã thu giữ sau đó trả lại: 01 tờ tiền Canada mệnh giá 100 Dollars và 03 tờ tiền mệnh giá 05 Dollars, 10 Dollars, 20 Dollars Mỹ; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu xanh, BKS 48F1 – 084.33; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S loại 16GB, màu ghi bạc; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 48F1- 084.33 mang tên Cao Thị H, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 009686 BKS 48AB - 018.28 mang tên Đinh Quang Đ cho chị Cao Thị H; Trả lại số tiền 6.500.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc C; Trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen BKS 48F1 - 135.86 ông Trần Văn H.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn T bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc C số tiền 5.500.000 đồng (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo chưa bồi thường số tiền trên thì hằng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với lãi suất chậm thực hiện trả nợ theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án*

*Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKS ND huyện Đắk Mil;
- Đội điều tra CA huyện Đắk Mil;
- Đội THAHS CA huyện Đắk Mil;
- Bộ phận NVHS CA huyện Đắk Mil;
- Chi cục THA DS huyện Đắk Mil;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Trần Đình Minh**